

Bản án số: 104/2025/HNGĐ-ST

Ngày 20 – 5 – 2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn

Ông Đào Việt Khái

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Tô Thị S, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà S chung sống với nhau năm 1985 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tình cảm và đã ly thân hơn 10 năm, nay ông nhận thấy vợ chồng sống chung không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với bà S.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh năm 1986 và Nguyễn Diễm M, sinh năm 1991, hiện nay các con đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông L tổ chức đám cưới và chung sống với nhau năm

1985, bà đồng ý ly hôn với ông L.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Thống nhất ý kiến của ông L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông L, bà S yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Ông L và bà S chung sống với nhau từ năm 1985 nhưng không có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên do quan hệ hôn nhân của ông bà được xác lập trước ngày 03/01/1987 nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì đây là hôn nhân thực tế, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo ông L quá trình chung sống tính tình ông bà không phù hợp, bất đồng quan điểm, ông bà không còn tình cảm và đã ly thân hơn 10 năm, từ đó ông yêu cầu ly hôn với bà S, bà S đồng ý ly hôn với ông L, do đó Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông L và bà S.

[4] Về con chung: Hiện con chung đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân, đương sự không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Ông L tự nguyện phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Thanh L và bà Tô Thị S.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông L phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004118 ngày 13/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, ông L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

